

Số: 04/2022/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 07 tháng 01 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ THỌ

Với thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Ông Nguyễn Việt Tiến.

Thư ký phiên họp: Bà Phùng Thị Thu Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ tham gia phiên họp: Bà Lê Thị Thanh Hải – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 100/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 87/2021/QĐST - HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2021, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Chị Vũ Thị D, sinh năm 1990

HKTT: Khu 10, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: 306ho Sville 860-10 J-dong, H-si, G-do, Hàn Quốc.

- Anh Đỗ Bác S, sinh năm 1987

HKTT: Khu 10, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Nơi ở hiện nay: 1402ho Building 202, 97-13, J-ro, J-eup, J-gun, C-do, Hàn Quốc.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1959

Địa chỉ: Khu 10, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

(Chị D, anh S và bà Th đều đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Theo Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự ngày 01/11/2021 và các lời khai tiếp theo, chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S kết hôn trên cơ sở tự nguyện có tìm hiểu, có đăng ký kết hôn ngày 09/5/2013 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống cùng nhau tại Hàn Quốc, cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc. Càng về sau, cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không thể tìm được tiếng nói chung. Đã rất nhiều lần anh chị trao đổi để tìm cách giải quyết mâu thuẫn nhưng không có kết quả. Tình trạng mâu thuẫn xảy ra thường xuyên ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Hiện nay, nhận thấy tình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc hôn nhân chỉ tồn tại về mặt pháp lý, mục đích của hôn nhân trên thực tế không đạt được nên anh chị làm đơn đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xem xét, giải quyết cho anh chị thuận tình ly hôn để sớm ổn định cuộc sống cho cả hai bên.

Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S có 01 con chung là Đỗ Nam T, sinh ngày 28/12/2012, hiện đang ở Việt Nam cùng bà nội là Nguyễn Thị Th. Anh chị thống nhất khi ly hôn, anh S sẽ là người trực tiếp nuôi con. Trong thời gian anh S đang ở Hàn Quốc thì anh chị thống nhất tạm giao con cho mẹ để anh S là bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1959) hỗ trợ anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con số tiền 1.500.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng từ tháng 01/2022 đến khi cháu Đỗ Nam T trưởng thành.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S xác định vợ chồng không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự và các chi phí tố tụng: Chị Vũ Thị D tự nguyện chịu toàn bộ.

Hiện nay do cả hai anh chị đều đang ở Hàn Quốc, không thể có mặt trong các buổi làm việc của Tòa án nên anh chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết thủ tục ly hôn vắng mặt anh chị.

Tại Bản tự khai ngày 30/11/2021, bà Nguyễn Thị Th trình bày:

Bà là mẹ đẻ của anh Đỗ Bác S và mẹ chồng của chị Vũ Thị D. Chị D và anh S có 01 con chung là cháu Đỗ Nam T, sinh ngày 28/12/2012, hiện đang sống cùng bà. Nay chị D và anh S ly hôn và thỏa thuận anh S sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Trong thời gian anh S ở nước ngoài, bà đồng ý tạm thời chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi anh S về nước đón cháu.

Tại Đơn đề nghị ngày 20/11/2021, cháu Đỗ Nam T trình bày:

Khi bố mẹ ly hôn, cháu muốn ở cùng bố là Đỗ Bác S. Trong thời gian bố cháu lao động bên Hàn Quốc, cháu sẽ ở với bà nội là bà Nguyễn Thị Th.

Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán; Thư ký phiên họp kể từ khi thụ lý việc dân sự cho đến trước thời điểm Thẩm phán ra quyết định giải quyết việc dân sự và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng, việc thu thập chứng cứ của Tòa án tiến hành theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung việc dân sự: Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bắc S.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Nam T, sinh ngày 28/12/2012 cho anh Đỗ Bắc S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Trong thời gian anh S ở nước ngoài tạm giao cho bà nội là bà Nguyễn Thị Th trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu T cho đến khi anh S về nước. Chị Vũ Thị D cấp dưỡng nuôi con chung số tiền 1.500.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng; thời gian cấp dưỡng từ tháng 01/2022 đến khi cháu T trưởng thành.

Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Tòa án không giải quyết trong vụ việc này.

Lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị D chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Phú Thọ, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bắc S đều có hộ khẩu thường trú tại khu 10, xã H, huyện T, tỉnh Phú Thọ, hiện đang sinh sống và làm việc tại Hàn Quốc. Công văn số 31359/QLXNC-P5 ngày 21/12/2021 và Công văn số 29362/QLXNC-P5 ngày 02/12/2021 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: chị D đã xuất cảnh ngày 06/9/2009, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước; anh S xuất cảnh gần nhất ngày 04/8/2019, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về nước. Chị D và anh S thống nhất thỏa thuận yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ giải quyết việc công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con của anh chị. Do đó, Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ thụ lý, giải quyết việc dân sự là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 29, khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 Điều 37, điểm h khoản 2 Điều 39, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

Chị D và anh S đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và giải quyết vắng mặt anh, chị nên Tòa án không tiến hành hòa giải và mở phiên họp vắng mặt chị D, anh S là đúng quy định của khoản 4 Điều 207, khoản 2 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và Bản tự khai của chị Vũ Thị D, anh Đỗ Bác S gửi về từ Hàn Quốc chưa được hợp pháp hóa lãnh sự nên Tòa án đã tiến hành trưng cầu Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Phú Thọ giám định chữ ký, chữ viết của chị D, anh S trong các văn bản trên so với chữ ký, chữ viết của anh chị trong Giấy chứng nhận kết hôn. Tại Kết luận giám định số 1390/KLGD-PC09 ngày 10/12/2021 xác định: Chữ ký “Vũ Thị D”, các chữ “Vũ Thị D”, trong các văn bản nêu trên so với các mẫu so sánh trên Giấy chứng nhận kết hôn là do cùng một người ký và viết ra; Không đủ cơ sở để kết luận chữ ký “Đỗ Bác S” trong các văn bản nêu trên so với chữ ký “Đỗ Bác S” trên Giấy chứng nhận kết hôn có phải do cùng một người ký ra không; Chữ viết “Đỗ Bác S” trong các văn bản nêu trên so với chữ viết “Đỗ Bác S” trên Giấy chứng nhận kết hôn là do cùng một người viết ra. Mặc dù không đủ cơ sở để xác định chữ ký “Đỗ Bác S” trong Đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và Bản tự khai so với chữ ký trên Giấy chứng nhận kết hôn có phải là cùng một người ký ra hay không nhưng do chữ ký có tính không ổn định, có thể thay đổi trong từng giai đoạn khác nhau nên cần dựa vào chữ viết với tính ổn định cao và dữ liệu đầy đủ hơn để xác định đây đúng là chữ viết của anh Đỗ Bác S, nội dung trong các văn bản thể hiện ý chí, nguyện vọng của chị D, anh S.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S đăng ký kết hôn ngày 09/5/2013 tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hàn Quốc trên cơ sở tự nguyện, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, thời gian đầu cuộc sống vợ chồng khá hạnh phúc. Càng về sau, cuộc sống chung phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, không thể tìm được tiếng nói chung. Tình trạng mâu thuẫn xảy ra thường xuyên ảnh hưởng đến cuộc sống, công việc của cả hai bên. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, việc thuận tình ly hôn của chị D, anh S là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

Về con chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Đỗ Nam T, sinh ngày 28/12/2012, hiện đang ở Việt Nam cùng bà nội là Nguyễn Thị Th. Anh chị thống nhất khi ly hôn, anh S sẽ là người trực tiếp nuôi con. Trong thời gian anh S đang ở Hàn Quốc thì anh chị thống nhất tạm giao con cho mẹ đẻ anh S là bà Nguyễn Thị Th (sinh năm 1959) hỗ trợ anh S chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con, chị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 1.500.000 đồng/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng từ tháng 01/2022 đến khi cháu Đỗ Nam T trưởng thành. Việc thỏa thuận về nuôi con sau ly hôn của chị D và anh S là tự nguyện, dựa trên cơ sở đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con chung nên cần được chấp nhận. Do anh S đang ở Hàn Quốc nên anh chị thỏa thuận tạm giao cháu T cho mẹ đẻ anh S là bà Nguyễn Thị Th chăm sóc,

nuôi dưỡng; bà Thành cũng có quan điểm đồng ý tạm thời chăm sóc cho cháu T cho đến khi bố cháu về nước nên cần được chấp nhận.

Về tài sản chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về nợ chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S xác định vợ chồng không có nợ chung nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị D tự nguyện chịu toàn bộ, cần được chấp nhận.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị D phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 29; khoản 3 điều 35, điểm b khoản 1 điều 37; điểm h khoản 2 Điều 39; khoản 2 Điều 149; Điều 212, 361, 362, 365, 366, 367, 369, 370, 371 và Điều 469 của Bộ Luật tố tụng dân sự; Điều 55, Điều 81, 82, 83 và Điều 123 của Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 6 Điều 27, khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S.

[2] Về con chung: Công nhận thỏa thuận về nuôi con giữa chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S. Anh Đỗ Bác S được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Đỗ Nam T, sinh ngày 28/12/2012 cho đến khi cháu thành niên, có khả năng lao động. Trong thời gian anh S ở nước ngoài, tạm giao cháu Đỗ Nam T cho bà Nguyễn Thị Th chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi anh S về nước đón cháu.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Vũ Thị D có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đỗ Bác S với số tiền 1.500.000 đồng (*Một triệu năm trăm nghìn đồng*)/tháng, phương thức cấp dưỡng định kỳ hàng tháng từ tháng 01/2022 đến khi cháu Đỗ Nam T thành niên, có khả năng lao động.

Chị Vũ Thị D có các quyền và nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con sau ly hôn theo quy định của pháp luật.

[3] Về tài sản chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị Vũ Thị D và anh Đỗ Bác S xác định vợ, chồng không có nên Tòa án không giải quyết.

[5] Về lệ phí, án phí:

Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Chị Vũ Thị D chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) lệ phí giải quyết việc dân sự, được trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2020/0000106 ngày 23/11/2021 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ.

Về án phí cấp dưỡng nuôi con: Chị Vũ Thị D phải chịu 150.000 đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí cấp dưỡng nuôi con.

[6] Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Cục THADS tỉnh Phú Thọ;
- ĐSQ VN tại Hàn Quốc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

(*đã ký*)

Nguyễn Việt Tiến